

Bản án số: 193/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2020
V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Mẫn; Ông Nguyễn Văn Trương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Triều - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Kim Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2020, về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HNGD ngày 29 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Phương D**, sinh năm 1976; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn P**, sinh năm 1972; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị Phương D trình bày: Qua tìm hiểu khoảng 01 năm, chị và anh Phạm Văn P tiến đến hôn nhân năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Nghi, huyện Gò Công Đông, năm 2007. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống không hợp nhau và anh P có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Có hai người con chung tên Phạm Lê Hoàng P, sinh ngày 16/12/1998 và Phạm Lê Hoàng P2, sinh ngày 03/11/2006. Khi ly hôn chị D yêu

cầu được quyền nuôi dưỡng cháu P2 và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Cháu P đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh Phạm Văn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị D, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nên không lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Chị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Anh P đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh P; Về con chung giao cháu P2 cho chị D trực tiếp nuôi, anh P không cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không xem xét; Về án phí sơ thẩm thì chị D chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Phương D khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn P có nơi cư trú ấp X, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn P đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, chị D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh P.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy, chị D và anh P kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị Lê Thị Phương D và anh Phạm Văn P sống chung vào năm 1997, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau nữa và anh P có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho

đến nay. Trong quá trình giải quyết, anh P đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị D, nhưng anh P không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm của anh P đối với chị D đã không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng và vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2018. Xét thấy hôn nhân của chị D và anh P lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị D xin ly hôn anh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị D và anh P có hai người con chung tên Phạm Lê Hoàng P, sinh ngày 16/12/1998 và Phạm Lê Hoàng P2, sinh ngày 03/11/2006.

Xét thấy, qua lời trình bày của chị D và kết quả xác minh tại địa phương nơi chị D, anh P cư trú thì từ khi sinh ra cho đến nay cháu P2 đều do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 10/01/2020, thì cháu P2 có nguyện vọng được sống với mẹ. Chị D hiện nay đang có công việc ổn định tại địa phương. Anh P vắng mặt không thể hiện ý kiến về việc nuôi con. Vì vậy, để cháu P2 phát triển ổn định, toàn diện thì việc giao cháu P2 cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, nên yêu cầu của chị D về việc nuôi dưỡng con chung được chấp nhận. Đối với con chung Phạm Lê Hoàng P đã trưởng thành, không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.2] Về quan hệ tài sản chung: Chị D xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Chị D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị D và anh P vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Lê Thị Phương D phải chịu án phí theo quy định.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Phương D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Phương D được ly hôn với anh Phạm Văn P.

- Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Phương D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phạm Lê Hoàng P2, sinh ngày 03/11/2006. Anh Phạm Văn P chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị D chưa có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Phương D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 43568 ngày 31/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, chị D đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- UBND xã B, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án án, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Thu Thúy